

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
đã được soát xét

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2006, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 22 tháng 07 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán phụ tùng ô tô;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su.

Trụ sở chính của Công ty tại số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Tuấn	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trung Hòa	Trưởng ban	
Ông Hoàng Văn Hòa	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Từ ngày 21/4/2025
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên	Đến ngày 21/4/2025

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

Số: 22.05.1.1/25/BCSX/NVA.CNHN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được lập ngày 04 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2025-152-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		632.022.958.124	549.126.282.887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.928.698.142	29.711.953.512
1. Tiền	111		12.928.698.142	14.711.953.512
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		316.823.788.069	235.235.110.511
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	319.189.463.085	238.217.156.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	945.332.100	720.135.153
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hoạt động xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.135.401.472	5.921.919.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(8.446.408.588)	(9.624.100.633)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	261.845.728.839	250.315.400.799
1. Hàng tồn kho	141		262.722.488.120	251.291.699.609
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(876.759.281)	(976.298.810)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.424.743.074	33.863.818.065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.147.241.884	949.024.039
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.952.962.417
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	30.277.501.190	30.961.831.609
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		565.594.599.254	659.813.031.320
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		242.000.000	97.823.430.950
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	242.000.000	97.823.430.950
II. Tài sản cố định	220		43.572.655.022	48.295.006.758
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	28.578.092.513	31.792.162.129
- Nguyên giá	222		683.178.307.189	682.879.204.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(654.600.214.676)	(651.087.042.060)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	11.602.444.037	13.104.992.707
- Nguyên giá	225		20.124.700.342	20.124.700.342
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.522.256.305)	(7.019.707.635)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.392.118.472	3.397.851.922
- Nguyên giá	228		3.615.723.022	3.615.723.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(223.604.550)	(217.871.100)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	9.079.258.754	2.065.608.864
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.079.258.754	2.065.608.864
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	509.648.027.705	508.505.488.913
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		505.000.000.000	505.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.444.062.358	8.444.062.358
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.796.034.653)	(4.938.573.445)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.052.657.773	3.123.495.835
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	3.052.657.773	3.123.495.835
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.197.617.557.378	1.208.939.314.207

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

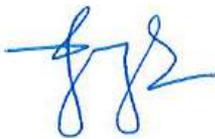
Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		644.103.159.368	633.884.449.885
I. Nợ ngắn hạn	310		492.730.096.620	482.034.437.507
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	91.914.983.458	148.253.168.523
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	9.028.240.132	42.545.325.913
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.562.865.449	329.996.742
4. Phải trả người lao động	314		9.990.280.954	22.004.103.842
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.343.638.925	3.746.675.146
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	45.833.333	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	6.212.311.846	5.725.515.452
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	348.185.400.698	255.679.533.163
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	528.815.185	659.085.638
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.917.726.640	3.091.033.088
II. Nợ dài hạn	330		151.373.062.748	151.850.012.378
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	143.500.000.000	143.500.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	1.638.607.625	2.115.557.255
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.234.455.123	6.234.455.123
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	553.514.398.010	575.054.864.322
I. Vốn chủ sở hữu	410		553.514.398.010	575.054.864.322
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.657.650.000	280.657.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.657.650.000	280.657.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần			3.605	3.605
5. Cổ phiếu quỹ	415		(23.970.000)	(23.970.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển			162.326.715.944	116.834.693.289
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.553.998.461	177.586.487.428
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		99.791.186.421	25.946.411.910
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.762.812.040	151.640.075.518
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.197.617.557.378	1.208.939.314.207

Người lập biên



Lê Lan Phương

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	650.707.763.423	517.078.107.937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	14.082.292.326	13.940.785.316
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		636.625.471.097	503.137.322.621
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	568.759.467.288	425.985.614.398
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.866.003.809	77.151.708.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.032.926.274	1.714.193.222
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.353.133.528	10.190.272.592
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.383.163.341</i>	<i>7.717.440.420</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	15.244.857.297	17.178.484.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	27.799.459.331	31.518.616.789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.501.479.927	19.978.527.615
11. Thu nhập khác	31	VI.6	30.713.858	306.003.872.355
12. Chi phí khác	32	VI.7	29.468.271	143.781.125.817
13. Lợi nhuận khác	40		1.245.587	162.222.746.538
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.502.725.514	182.201.274.153
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	3.739.913.474	64.959.220.296
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.762.812.040	117.242.053.857
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	384	4.178
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	384	4.178

Người lập biểu

Lê Lan Phương

Kế toán trưởng

Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.502.725.514	182.201.274.153
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.021.454.736	5.044.031.442
- Các khoản dự phòng	03		(2.550.040.819)	920.429.969
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		138.783.432	(334.675.535)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(150.457.103)	(161.067.121.452)
- Chi phí lãi vay	06		10.383.163.341	7.717.440.420
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.345.629.101	34.481.378.997
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.064.333.539	17.977.578.237
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.430.788.511)	29.327.676.811
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(93.657.081.650)	(3.923.571.001)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(127.379.783)	2.069.807.883
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.378.563.341)	(7.819.240.420)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.038.379.487)	(62.693.996.629)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.438.564.000)	(1.704.526.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(76.660.794.132)	7.715.107.878
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.443.808.815)	(3.143.053.006)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.799.569.173
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.639.900.638	499.725.873
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(5.803.908.177)	293.156.242.040

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		625.671.873.066	290.010.359.493
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(532.664.502.696)	(594.117.874.112)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.545.627.240)	(1.319.473.496)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.777.702.564)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		74.684.040.566	(305.426.988.115)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.780.661.743)	(4.555.638.197)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.711.953.512	33.058.394.306
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.593.627)	(5.524.576)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	21.928.698.142	28.497.231.533

Người lập biểu



Lê Lan Phương

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 3 tháng 4 năm 2006, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán phụ tùng ô tô;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong kỳ

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là: 734 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 745 người).

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các chi nhánh phụ thuộc như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng	Quốc lộ 1A, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

b. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

c. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 22	03 – 22
Máy móc thiết bị	02 – 12	02 – 12
Phương tiện vận tải	03 – 10	03 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06	03 – 06
Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn	50	50
Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao	Không khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay và nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán Báo cáo tài chính giữa niên độ trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

14. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ lỗ tỷ giá hối đoái, ...

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	731.615.199	1.144.061.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.197.082.943	13.567.892.286
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	21.928.698.142	29.711.953.512

(*): Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng, có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Cuối kỳ			Đầu năm			Đơn vị tính: VND	
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết	505.000.000.000	505.000.000.000	(2.959.590.804)		505.000.000.000	(3.625.675.024)		
Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn	30,6%	375.000.000.000	(1.623.589.689)	(*)	375.000.000.000	(1.623.589.689)		(*)
Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn	26,0%	130.000.000.000	(1.336.001.115)	(*)	130.000.000.000	(2.002.085.335)		(*)
Đầu tư vào đơn vị khác		8.444.062.358	(836.443.849)		8.444.062.358	(1.312.898.421)		
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	7,0%	8.444.062.358	(836.443.849)	(*)	8.444.062.358	(1.312.898.421)		(*)
Tổng		513.444.062.358	(3.796.034.653)		513.444.062.358	(4.938.573.445)		

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2025
	VND
Số dư đầu năm	4.938.573.445
Trích lập trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	1.142.538.792
Số dư cuối kỳ	3.796.034.653

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với công ty liên kết: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	-	83.841.817.500
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	99.210.579.740	62.316.529.740
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	111.639.211.359	-
Các đối tượng khác	108.339.671.986	92.058.808.980
Cộng	319.189.463.085	238.217.156.220

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

Công ty đã thế chấp 50% giá trị quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty để đảm bảo cho các khoản vay như đã trình bày ở thuyết minh số V.13.

4. Trả trước cho người bán

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Kinh tế & Đầu tư Xây dựng Acoci	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH Tư vấn & Xây dựng Môi trường Nhật Minh	134.951.600	134.951.600
Công ty TNHH FISA Việt Nam	81.000.000	81.000.000
Các đối tượng khác	459.380.500	234.183.553
Cộng	945.332.100	720.135.153

b. Trả trước cho người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.**5. Phải thu khác**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	333.049.575	-
Ký quỹ, ký cược	917.992.135	610.060.278
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.643.836	1.506.087.371
Phải thu khác	3.867.715.926	3.805.772.122
- Công ty Cổ phần Philips Black Carbon Việt Nam	2.966.978.675	2.966.978.675
- Các đối tượng khác	900.737.251	838.793.447
Cộng	5.135.401.472	5.921.919.771
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	242.000.000	97.823.430.950
Cộng	242.000.000	97.823.430.950

c. Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Ngắn hạn					
Phải thu khách hàng	5.810.490.144	5.479.429.913	8.639.416.958	6.657.121.958	1.982.295.000
Công ty Cổ phần Dầu tư 981	1.090.733.584	763.513.509	1.090.733.584	1.090.733.584	-
Công ty TNHH Nam Tiến	-	-	2.831.850.000	849.555.000	1.982.295.000
Bà Nguyễn Thị Hương	2.208.428.046	2.208.428.046	2.208.428.046	2.208.428.046	-
Các đối tượng khác	2.511.328.514	2.507.488.358	2.508.405.328	2.508.405.328	-
Phải thu khác	2.966.978.675	2.966.978.675	2.966.978.675	2.966.978.675	-
Công ty Cổ phần Philips	2.966.978.675	2.966.978.675	2.966.978.675	2.966.978.675	-
Carbon Black Việt Nam	-	-	-	-	-
Cộng	8.777.468.819	8.446.408.588	11.606.395.633	9.624.100.633	1.982.295.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	4.727.257.480	-	1.910.925.768	-
Nguyên liệu, vật liệu	101.636.557.858	-	132.424.692.992	-
Công cụ, dụng cụ	2.167.630.049	-	2.388.412.028	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.630.069.323	-	10.167.740.955	-
Thành phẩm	143.538.084.588	(869.128.082)	103.422.784.358	(974.286.659)
Hàng hóa	7.149.998	-	11.549.979	-
Hàng gửi đi bán	1.015.738.824	(7.631.199)	965.593.529	(2.012.151)
Cộng	262.722.488.120	(876.759.281)	251.291.699.609	(976.298.810)

Công ty đã sử dụng toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại Chi nhánh Thái Bình và 50% hàng tồn kho, bán thành phẩm, thành phẩm tại số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số V.13.

8. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm cháy nổ	570.174.085	271.208.684
Chi phí thuê biển quảng cáo	533.377.365	422.554.370
Chi phí LC	-	125.354.527
Các chi phí khác	43.690.434	129.906.458
Cộng	1.147.241.884	949.024.039
b. Dài hạn		
Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	3.001.324.440	2.995.162.502
Các chi phí khác	51.333.333	128.333.333
Cộng	3.052.657.773	3.123.495.835

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	116.343.220.590	511.132.266.210	54.617.269.482	786.447.907	682.879.204.189
Số tăng trong kỳ	-	299.103.000	-	-	299.103.000
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	299.103.000	-	-	299.103.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	116.343.220.590	511.431.369.210	54.617.269.482	786.447.907	683.178.307.189
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	101.150.749.710	506.258.187.316	42.891.657.127	786.447.907	651.087.042.060
Số tăng trong kỳ	875.273.622	1.737.538.142	900.360.852	-	3.513.172.616
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	875.273.622	1.737.538.142	900.360.852	-	3.513.172.616
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	102.026.023.332	507.995.725.458	43.792.017.979	786.447.907	654.600.214.676
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.192.470.880	4.874.078.894	11.725.612.355	-	31.792.162.129
Tại ngày cuối kỳ	14.317.197.258	3.435.643.752	10.825.251.503	-	28.578.092.513

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng là 618.682.322.335 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 186.850.346.662 đồng và 829.618.063 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (xem thuyết minh V.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.042.378.022	573.345.000	3.615.723.022
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.042.378.022	573.345.000	3.615.723.022
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	217.871.100	217.871.100
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	5.733.450	5.733.450
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	223.604.550	223.604.550
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.042.378.022	355.473.900	3.397.851.922
Tại ngày cuối kỳ	3.042.378.022	349.740.450	3.392.118.472

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất ở Đà Nẵng để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	20.124.700.342	20.124.700.342
Số tăng trong kỳ	-	-
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-
Số dư cuối kỳ	20.124.700.342	20.124.700.342
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7.019.707.635	7.019.707.635
Số tăng trong kỳ	1.502.548.670	1.502.548.670
- Khấu hao trong kỳ	1.502.548.670	1.502.548.670
Số giảm trong kỳ	-	-
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-
Số dư cuối kỳ	8.522.256.305	8.522.256.305
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	13.104.992.707	13.104.992.707
Tại ngày cuối kỳ	11.602.444.037	11.602.444.037

12. Tài sản dở dang dài hạn**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Xây dựng nhà kho, mở rộng nhà máy sản xuất tại Xuân Hòa	1.692.758.754	1.656.758.754
Thửa đất 143 Hạ Đình (*)	7.386.500.000	-
Khác	-	408.850.110
Cộng	9.079.258.754	2.065.608.864

(*) Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 143 Hạ Đình, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội từ cá nhân. Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến pháp lý sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	348.185.400.698	348.185.400.698	626.721.705.711	534.215.838.176	255.679.533.163	255.679.533.163
Vay ngân hàng	346.452.014.821	346.452.014.821	626.244.756.081	532.670.210.936	252.877.469.676	252.877.469.676
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (a)	75.880.448.536	75.880.448.536	155.183.913.715	155.913.905.499	76.610.440.320	76.610.440.320
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (b)	23.912.316.353	23.912.316.353	39.759.145.623	53.952.783.822	38.105.954.552	38.105.954.552
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (c)	246.659.249.932	246.659.249.932	431.301.696.743	322.803.521.615	138.161.074.804	138.161.074.804
Vay dài hạn đến hạn trả	1.733.385.877	1.733.385.877	476.949.630	1.545.627.240	2.802.063.487	2.802.063.487
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust (d)	1.374.595.869	1.374.595.869	224.060.886	1.292.738.496	2.443.273.479	2.443.273.479
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (e)	358.790.008	358.790.008	252.888.744	252.888.744	358.790.008	358.790.008
b. Vay dài hạn	1.638.607.625	1.638.607.625	-	476.949.630	2.115.557.255	2.115.557.255
Nợ thuê tài chính	1.638.607.625	1.638.607.625	-	476.949.630	2.115.557.255	2.115.557.255
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust (d)	-	-	-	224.060.886	224.060.886	224.060.886
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (e)	1.638.607.625	1.638.607.625	-	252.888.744	1.891.496.369	1.891.496.369
Cộng	349.824.008.323	349.824.008.323	626.721.705.711	534.692.787.806	257.795.090.418	257.795.090.418

a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 360/2025/HĐCVHM/NHCT126-CAOSUAOVANG ngày 27 tháng 6 năm 2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sảm lớp cao su. Hạn mức là 150 tỷ đồng, thời hạn và lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025: VND là 7%/năm, USD là 5,3%/năm. Số dư vay ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 2.035.567,80 USD. Các tài sản thế chấp đảm bảo của khoản vay là:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- 50% quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty;
 - Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn;
 - Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng).
- b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 06/2025/HĐCVHM/NHCT260-SRC ngày 30 tháng 6 năm 2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẫm lốp cao su. Hạn mức là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 và lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND là 7%/năm. Các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay là:
- Toàn bộ hàng tồn kho tại chi nhánh Thái Bình, bao gồm sẫm, lốp các loại, nguyên vật liệu chính, nhiên liệu, vật tư phụ và các loại hàng hóa khác với giá trị tồn tại mọi thời điểm là 15 tỷ đồng;
 - Các máy móc thiết bị tại công ty và phân xưởng luyện được nêu trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 1206045/HĐTC ngày 15 tháng 11 năm 2006, Hợp đồng thế chấp tài sản số 1206034/HĐTC ngày 01 tháng 6 năm 2006.
- c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/135074/HĐTD ngày 12/6/2024, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất sẫm lốp cao su và hoạt động thương mại than. Hạn mức tối đa là 450 tỷ đồng trong đó hạn mức vay vốn, phát hành bảo lãnh thanh toán tối đa là 385 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/4/2025. Khoản vay đã được gia hạn theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 28/04/2025 đến khi giới hạn tín dụng ngắn hạn năm 2025 được phê duyệt nhưng không quá 31/07/2025, thời hạn và lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/6/2025 vay VND là 5,8%/năm, vay USD là 4,4%/năm. Số dư vay ngoại tệ tại ngày 30/6/2025 là 355.812 USD. Các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay là:
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty tại 261 Vũ Tông Phan, quận Thanh Xuân, Hà Nội (nay là 261 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, Hà Nội); tại số 63, đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 63, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh); tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 01/2012/TLĐC địa chỉ Phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên);
 - Tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vững Áng tại Nhà ở xã hội Căn hộ chiến sỹ Bộ Công An, số 282 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là số 282 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội) theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:
 - + Số AA 01714638, Số vào sổ cấp GCN: VP 10454 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
 - + Số AA 01714639, Số vào sổ cấp GCN: VP 10453 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
 - + Số AA 01714642, Số vào sổ cấp GCN: VP 10456 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
 - + Số AA 01714642, Số vào sổ cấp GCN: VP 10456 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- + Số AA 01714645, Số vào sổ cấp GCN: VP 10458 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
- + Số AA 01714760, Số vào sổ cấp GCN: VP 10459 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
- 50% hàng tồn kho, bán thành phẩm, thành phẩm dùng để sản xuất, trao đổi, mua bán, cho thuê trong phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh và hàng hóa trong kho tại địa chỉ số 231 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (nay là 231 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội);
- d) Khoản vay Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust theo các hợp đồng vay sau:
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 2172000258/HĐCTTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 và các phụ lục kèm theo. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy luyện kim cao su. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm.
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000124/HĐCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy ép suất f1250. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm.
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000125/HĐCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là hệ thống nạp dầu tự động. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm.
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000126/HĐCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là động cơ và tu xoay chiều biến tần. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm.
- e) Khoản vay Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng vay sau:
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.168/2023/TSC-CTTC ngày 25 tháng 12 năm 2023. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy đầu nối sấm xe máy. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 9,5%/năm.
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.039/2024/TSC-CTTC ngày 30 tháng 5 năm 2024. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy đo lưu hóa cao su Rometer. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 9,5%/năm.

Chi tiết thanh toán nợ thuê tài chính

Đối tượng	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust	1.376.620.773	83.882.277	1.292.738.496
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	365.158.450	112.269.706	252.888.744
Cộng	1.741.779.223	196.151.983	1.545.627.240

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***14. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công ty TNHH Ô tô SAIC Hongyan	-	-	56.212.200.000	56.212.200.000
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	8.663.077.500	8.663.077.500	16.684.206.000	16.684.206.000
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	10.960.561.097	10.960.561.097	13.185.364.997	13.185.364.997
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	11.275.790.767	11.275.790.767	9.646.333.138	9.646.333.138
Các đối tượng khác	61.015.554.094	61.015.554.094	52.525.064.388	52.525.064.388
Cộng	91.914.983.458	91.914.983.458	148.253.168.523	148.253.168.523

b. Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.**15. Người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Sơn	-	31.087.674.319
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	2.628.528.104	2.628.528.104
Công ty TNHH Xuất khẩu Onyx Automotive Sole	912.515.700	-
Các đối tượng khác	5.487.196.328	8.829.123.490
Cộng	9.028.240.132	42.545.325.913

b. Người mua trả tiền trước là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND					
	Đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	206.965.598	1.100.225.269	537.697.456	-	769.493.411
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	8.103.042.610	8.103.042.610	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	509.173.040	509.173.040	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.961.831.609	-	3.739.913.474	3.038.379.487	30.260.297.622	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	123.031.144	470.858.108	424.770.952	-	169.118.300
Thuế đất, tiền thuê đất	-	-	7.088.501.657	486.126.843	17.203.568	6.619.578.382
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	10.112.544	5.437.188	-	4.675.356
Cộng	30.961.831.609	329.996.742	21.021.826.702	13.104.627.576	30.277.501.190	7.562.865.449

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****17. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Nghĩa vụ tài chính liên quan đến trách nhiệm tái chế nộp Quỹ Bảo vệ môi trường	3.166.725.203	2.155.063.590
Chi phí tiền điện	247.584.000	557.052.846
Chi phí lãi vay	349.200.000	344.600.000
Các khoản khác	580.129.722	689.958.710
Cộng	4.343.638.925	3.746.675.146

18. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	393.672.298	249.166.725
Bảo hiểm xã hội	954.480	954.480
Nhận ký quỹ, ký cược	3.389.497.355	3.389.497.355
Cổ tức lợi nhuận phải trả	1.178.220.194	1.117.901.958
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.249.967.519	967.994.934
Cộng	6.212.311.846	5.725.515.452
b. Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	143.500.000.000	143.500.000.000
<i>Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư^(*)</i>	<i>143.500.000.000</i>	<i>143.500.000.000</i>
Cộng	143.500.000.000	143.500.000.000

(*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn, các bên đã đồng ý thành lập Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàn Sơn” tại số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội. Cũng theo hợp đồng này, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn sẽ chi trả và hỗ trợ Công ty các khoản kinh phí liên quan đến việc di dời nhà máy tại địa chỉ số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội và đầu tư vào nhà máy mới với tổng số tiền là 435 tỷ đồng và Công ty đã nhận được khoản kinh phí đợt 1 và đợt 2 từ Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn với tổng số tiền là 143,5 tỷ đồng. Theo quyết định Hội đồng quản trị số DD-01/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2025 phê duyệt về việc “Di dời nhà máy Cao Su Sao Vàng tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”, Công ty sẽ di dời cơ sở sản xuất của Công ty từ 231 Nguyễn Trãi lên Xuân Hòa, Mê Linh, Vĩnh Phúc, thời gian dự kiến từ 2025-2027.

Công ty cũng đã thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.13).

c. Phải trả khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****19. Doanh thu chưa thực hiện**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	45.833.333	-
Cộng	45.833.333	-

20. Dự phòng phải trả

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	528.815.185	659.085.638
Cộng	528.815.185	659.085.638

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính : VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2023	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	108.014.502.579	54.701.336.990	443.349.523.174
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	117.242.053.857	117.242.053.857
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	8.820.190.710	(28.754.925.080)	(19.934.734.370)
- <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	8.820.190.710	(8.820.190.710)	-
- <i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(2.940.063.570)	(2.940.063.570)
- <i>Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành</i>	-	-	-	-	(156.650.000)	(156.650.000)
- <i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)
Tại ngày 30/6/2024	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	116.834.693.289	143.188.465.767	540.656.842.661
Tại ngày 31/12/2024	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	116.834.693.289	177.586.487.428	575.054.864.322
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	10.762.812.040	10.762.812.040
Phân phối lợi nhuận kỳ này (*)	-	-	-	45.492.022.655	(77.795.301.007)	(32.303.278.352)
- <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	45.492.022.655	(45.492.022.655)	-
- <i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(15.164.007.552)	(15.164.007.552)
- <i>Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành</i>	-	-	-	-	(301.250.000)	(301.250.000)
- <i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)
Tại ngày 30/6/2025	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	162.326.715.944	110.553.998.461	553.514.398.010

(*) Phân phối lợi nhuận kỳ này theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	%	Đầu năm VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	140.932.900.000	50,22	140.932.900.000	50,22
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	101.041.150.000	36,00	101.041.150.000	36,00
Các cổ đông khác	38.659.630.000	13,77	38.659.630.000	13,77
Cổ phiếu quỹ	23.970.000	0,01	23.970.000	0,01
Cộng	280.657.650.000	100	280.657.650.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	280.657.650.000	280.657.650.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	280.657.650.000	280.657.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.838.020.800	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>16.838.020.800</i>	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.065.765	28.065.765
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.065.765</i>	<i>28.065.765</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.397	2.397
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.397</i>	<i>2.397</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.063.368</i>	<i>28.063.368</i>
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

e) Các quỹ của Công ty

	Cuối kỳ	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	162.326.715.944	116.834.693.289
Cộng	162.326.715.944	116.834.693.289

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- <i>USD</i>	18.690,89	49.195,62
- <i>RUB</i>	10.481,11	6.398,11

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	267.809.247.072	82.130.905.640
Doanh thu bán thành phẩm	375.408.790.109	426.738.192.440
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.674.098.202	7.207.178.380
Doanh thu bán vật tư	655.483.130	913.648.900
Doanh thu khác	160.144.910	88.182.577
Cộng	650.707.763.423	517.078.107.937

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chiết khấu thương mại	13.887.097.929	13.940.785.316
Hàng bán bị trả lại	195.194.397	-
Cộng	14.082.292.326	13.940.785.316

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	256.762.929.439	82.611.728.143
Giá vốn thành phẩm đã bán	311.559.667.571	342.747.659.854
Giá vốn của vật tư đã bán	536.409.807	676.115.521
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(99.539.529)	(49.889.120)
Cộng	568.759.467.288	425.985.614.398

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi	150.457.103	976.833.849
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.882.469.171	737.359.373
Cộng	2.032.926.274	1.714.193.222

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.383.163.341	7.717.440.420
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.106.504.000	2.259.286.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.006.004.979	308.252.511
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết và công ty khác	(1.142.538.792)	(94.706.339)
Cộng	12.353.133.528	10.190.272.592

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam	-	303.837.948.660
Các khoản khác	30.713.858	2.165.923.695
Cộng	30.713.858	306.003.872.355

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam	-	143.747.661.057
Phạt vi phạm hợp đồng	28.632.023	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	836.248	-
Các khoản khác	-	33.464.760
Cộng	29.468.271	143.781.125.817

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.881.018.505	2.601.085.026
Chi phí vật liệu, bao bì	11.136.637	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.733.450	5.733.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.678.339.843	11.673.807.185
Chi phí quảng cáo	746.811.093	624.641.556
Chi phí bảo hành sản phẩm	1.233.188.316	1.368.690.777
Chi phí khác	688.629.453	904.526.455
Cộng	15.244.857.297	17.178.484.449

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.119.512.074	12.219.291.212
Chi phí vật liệu quản lý	539.403.106	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	186.387.718	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.214.728.662	942.777.024
Thuế, phí và lệ phí	1.673.074.899	3.056.867.809
Tiền thuế đất, thuê đất	7.048.360.002	7.212.201.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.105.606.767	4.416.081.403
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.090.078.148	2.602.602.316
Chi phí dự phòng	(1.177.692.045)	1.068.795.123
Cộng	27.799.459.331	31.518.616.789

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	286.051.132.021	259.485.283.804
Chi phí nhân công	51.047.792.549	58.799.023.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.021.454.736	5.044.031.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.578.892.300	33.451.846.137
Chi phí khác	22.376.858.791	18.052.331.780
Chi phí dự phòng	(1.407.502.027)	1.015.136.308
Cộng	394.668.628.370	375.847.652.504

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.502.725.514
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.196.841.856
+ <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	3.544.012.858
+ <i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách</i>	48.000.000
+ <i>Chi phí không được khấu trừ khác</i>	604.828.998
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	18.699.567.370
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.739.913.474

12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	10.762.812.040	117.242.053.857
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	10.762.812.040	117.242.053.857
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	28.063.368	28.063.368
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	384	4.178
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	384	4.178

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Mua tài sản bằng cách nhận nợ	299.103.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	Công ty mẹ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàng Sơn	Công ty trong cùng Tập đoàn Hoàng Sơn
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hoàng Sơn	Công ty trong cùng Tập đoàn Hoàng Sơn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Giải khát Sao Vàng	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Công ty trong cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất	Công ty trong cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.365.204.943	17.932.953.014
	Chia cổ tức	8.455.974.000	8.455.974.000
	Trả cổ tức	8.455.974.000	-
	Trả gốc vay	-	130.000.000.000
	Bù trừ công nợ	-	7.000.000.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Chia cổ tức	6.062.469.000	6.062.469.000
	Trả cổ tức	6.062.469.000	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.300.000	250.829.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	271.262.000	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoành Sơn	Bán hàng hóa	-	83.524.297.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Giải khát Sao Vàng	Mua hàng hóa	-	52.159.091
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	Mua hàng hóa, dịch vụ	650.559.600	189.886.275

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải thu khách hàng (TM V.3)	111.943.174.319	83.995.917.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	111.639.211.359	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoành Sơn	-	83.841.817.500
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	-	143.100.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội	11.000.000	11.000.000
Công ty Cổ phần DAP Vinachem	292.962.960	-
Phải trả người bán (TM V.14)	2.245.650.192	1.543.045.824
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	1.909.677.465	1.207.073.097
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất	335.972.727	335.972.727
Người mua trả trước (TM V.15)	-	31.087.674.319
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	-	31.087.674.319
Phải trả ngắn hạn khác (TM V.18)	1.178.220.194	1.117.901.958
Cổ đông khác	1.178.220.194	1.117.901.958
Phải trả dài hạn khác (TM V.18)	143.500.000.000	143.500.000.000
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	143.500.000.000	143.500.000.000

Thu nhập và thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong kỳ:

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
		VND	VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	397.854.600	397.535.600
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	332.712.600	336.615.600
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
		đến 30/6/2025	đến 30/6/2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Tổng Giám đốc	282.455.000	291.400.000
Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Trung Hòa	Trưởng Ban kiểm soát	254.086.176	196.136.199
Ông Hoàng Văn Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	164.921.349	155.712.967
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2025)	-	-
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2025)	-	15.000.000
Ông Trần Minh Tuấn	Kế toán trưởng	281.715.000	280.680.000
Tổng cộng		1.791.744.725	1.751.080.366

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	361.981.980.913	267.809.247.072	6.834.243.112	636.625.471.097
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	361.981.980.913	267.809.247.072	6.834.243.112	636.625.471.097
Chi phí bộ phận	314.028.647.849	254.730.819.439	-	568.759.467.288
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	47.953.333.064	13.078.427.633	6.834.243.112	67.866.003.809
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				43.044.316.628
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				24.821.687.181
Doanh thu hoạt động tài chính				2.032.926.274
Chi phí tài chính				12.353.133.528
Thu nhập khác				30.713.858
Chi phí khác				29.468.271
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				3.739.913.474
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				10.762.812.040
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	7.721.603.000	-	-	7.721.603.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.412.273.248	-	-	6.412.273.248

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	413.711.056.024	82.130.905.640	7.295.360.957	503.137.322.621
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	413.711.056.024	82.130.905.640	7.295.360.957	503.137.322.621
Chi phí bộ phận	347.627.218.074	78.358.396.324	-	425.985.614.398
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	66.083.837.950	3.772.509.316	7.295.360.957	77.151.708.223
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				48.697.101.238
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				28.454.606.985
Doanh thu hoạt động tài chính				1.714.193.222
Chi phí tài chính				10.190.272.592
Thu nhập khác				306.003.872.355
Chi phí khác				143.781.125.817
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				64.959.220.296
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				117.242.053.857
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.143.053.006	-	-	3.143.053.006
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.058.677.011	-	-	10.058.677.011
Số dư cuối kỳ này				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	345.077.194.836	228.651.114.064	2.772.785.211	576.501.094.111
- Tài sản không phân bổ				621.116.463.267
Tổng tài sản	345.077.194.836	228.651.114.064	2.772.785.211	1.197.617.557.378
- Nợ phải trả bộ phận	97.530.603.788	3.399.619.898	12.999.904	100.943.223.590
- Nợ phải trả không phân bổ				543.159.935.778
Tổng nợ phải trả	97.530.603.788	3.399.619.898	12.999.904	644.103.159.368

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Số dư đầu năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	314.370.249.114	166.406.634.935	1.818.686.165	482.595.570.214
- Tài sản không phân bổ				726.343.743.993
Tổng tài sản	314.370.249.114	166.406.634.935	1.818.686.165	1.208.939.314.207
- Nợ phải trả bộ phận	97.478.225.643	93.307.270.217	12.998.576	190.798.494.436
- Nợ phải trả không phân bổ				443.085.955.449
Tổng nợ phải trả	97.478.225.643	93.307.270.217	12.998.576	633.884.449.885

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh ở trong lãnh thổ Việt Nam và ở ngoài lãnh thổ Việt Nam:

	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	48.542.860.006	588.082.611.091	636.625.471.097
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận			1.197.617.557.378
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác			7.721.603.000
Từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	164.170.572.332	338.966.750.289	503.137.322.621
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận			1.157.333.886.909
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác			3.143.053.006

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

Tiền và các khoản tương đương tiền
Phải thu khách hàng và phải thu khác
Đầu tư tài chính dài hạn

		Giá trị số sách	
	Cuối kỳ	Dự phòng	Dự phòng
	Giá trị số sách	Giá trị số sách	Đầu năm
	21.928.698.142	-	29.711.953.512
	324.566.864.557	(8.446.408.588)	341.962.506.941
	-	-	-
Cộng	346.495.562.699	(8.446.408.588)	371.674.460.453
			(9.624.100.633)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	91.914.983.458	148.253.168.523
Vay và nợ	349.824.008.323	257.795.090.418
Chi phí phải trả	4.343.638.925	3.746.675.146
Các khoản phải trả khác	149.712.311.846	149.225.515.452
Cộng	595.794.942.552	559.020.449.539

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng. Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Cuối kỳ	450.656.334.927	145.138.607.625	595.794.942.552
Phải trả cho người bán	91.914.983.458	-	91.914.983.458
Vay và nợ	348.185.400.698	1.638.607.625	349.824.008.323
Chi phí phải trả	4.343.638.925	-	4.343.638.925
Các khoản phải trả khác	6.212.311.846	143.500.000.000	149.712.311.846
Đầu năm	413.404.892.284	145.615.557.255	559.020.449.539
Phải trả cho người bán	148.253.168.523	-	148.253.168.523
Vay và nợ	255.679.533.163	2.115.557.255	257.795.090.418
Chi phí phải trả	3.746.675.146	-	3.746.675.146
Các khoản phải trả khác	5.725.515.452	143.500.000.000	149.225.515.452

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

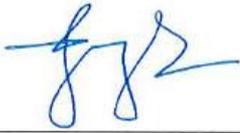
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam.

Người lập biểu



Lê Lan Phương

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn



Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025